

**Phụ lục**  
**SỐ LƯỢNG XE Ô TÔ BÁN TẢI, XE Ô TÔ TỪ 12-16 CHỖ NGỒI PHỤC VỤ**  
**CÔNG TÁC CHUNG TRANG BỊ CHO CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THUỘC**  
**PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA TỈNH NAM ĐỊNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ QUY**  
**ĐỊNH TẠI KHOẢN 5 ĐIỀU 8 NGHỊ ĐỊNH SỐ 72/2023/NĐ-CP NGÀY 26/9/2023**  
**CỦA CHÍNH PHỦ**

(Kèm theo Quyết định số:        /2024/QĐ-UBND ngày    tháng 8 năm 2024 của UBND tỉnh Nam Định)

| STT | Cơ quan, đơn vị                                                     | Nhiệm vụ thực hiện                                                                                                                                                       | Số lượng xe<br>ô tô từ 12-<br>16 chỗ ngồi | Số lượng<br>xe ô tô<br>bán tải | Tổng cộng   |
|-----|---------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|--------------------------------|-------------|
| (1) | (2)                                                                 | (3)                                                                                                                                                                      | (4)                                       | (5)                            | (6)=(4)+(5) |
|     | <b>TỔNG CỘNG</b>                                                    |                                                                                                                                                                          | <b>3</b>                                  | <b>5</b>                       | <b>8</b>    |
| 1   | Văn phòng Ủy<br>ban nhân dân tỉnh                                   | Phục vụ công tác chỉ đạo<br>kiểm tra của tỉnh đối với các<br>nhiệm vụ được quy định tại<br>khoản 5 Điều 8, Nghị định<br>số 72/2023/NĐ-CP ngày<br>26/9/2023 của Chính phủ | 1                                         |                                | 1           |
| 2   | Văn phòng Tỉnh<br>ủy                                                | Phục vụ công tác chỉ đạo<br>kiểm tra của tỉnh đối với các<br>nhiệm vụ được quy định tại<br>khoản 5 Điều 8, Nghị định<br>số 72/2023/NĐ-CP ngày<br>26/9/2023 của Chính phủ | 1                                         |                                | 1           |
| 3   | Văn phòng Đoàn<br>đại biểu Quốc hội<br>và Hội đồng nhân<br>dân tỉnh | Phục vụ công tác chỉ đạo<br>kiểm tra của tỉnh đối với các<br>nhiệm vụ được quy định tại<br>khoản 5 Điều 8, Nghị định<br>số 72/2023/NĐ-CP ngày<br>26/9/2023 của Chính phủ | 1                                         |                                | 1           |
| 4   | Sở Nông nghiệp<br>và Phát triển nông<br>thôn                        |                                                                                                                                                                          |                                           | 3                              | 3           |
| 4.1 | Chi cục Kiểm lâm                                                    | Để thực hiện nhiệm vụ kiểm<br>lâm, phòng chống cháy<br>rừng                                                                                                              |                                           | 1                              | 1           |
| 4.2 | Chi cục Chăn<br>nuôi và thú y                                       | Để thực hiện nhiệm vụ<br>phòng chống dịch bệnh<br>trong nông nghiệp                                                                                                      |                                           | 1                              | 1           |
| 4.3 | Chi cục Trồng trọt<br>và bảo vệ thực vật                            | Để thực hiện nhiệm vụ<br>phòng chống dịch bệnh<br>trong nông nghiệp                                                                                                      |                                           | 1                              | 1           |

| STT | Cơ quan, đơn vị                                        | Nhiệm vụ thực hiện                                       | Số lượng xe ô tô từ 12-16 chỗ ngồi | Số lượng xe ô tô bán tải | Tổng cộng |
|-----|--------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|------------------------------------|--------------------------|-----------|
| 5   | Sở Lao động, Thương binh và Xã hội                     |                                                          |                                    | 1                        | 1         |
| 5.1 | Trung tâm Bảo trợ xã hội tổng hợp tỉnh Nam Định        | Để thực hiện nhiệm vụ bảo trợ xã hội                     |                                    | 1                        | 1         |
| 6   | Sở Tài nguyên và Môi trường                            |                                                          |                                    | 1                        | 1         |
| 6.1 | Trung tâm Quan trắc và phân tích tài nguyên môi trường | Để thực hiện nhiệm vụ quan trắc phân tích mẫu môi trường |                                    | 1                        | 1         |